

# PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH SỞ THẦN BẢO KÝ

## QUYỂN 4

Giải thích phẩm Giáo Hóa (Tiểu thừa)

Từ câu “Khi ấy đại chúng” tiếp xuống là chúng đã nghe pháp một cách sâu rộng. Họ được lợi ích về phương diện pháp, còn được xứng hợp bản thân. Cho nên, Kinh nói và.v... nghĩa là so sánh với sáu nẻo, tám bộ đúng là khác biệt, so với lợi ích thì khác với chánh vị vô sinh, nên đắc đạo có lâu mau, sinh tử trải qua nhiều ít, nhập vào quả vị khác nhau. Sở lược bỏ chúng sinh ở nẻo ác đặc Nhân, có thể biết, Vô sinh pháp Nhân chính là tương đương quả vị chứng chân của các giáo, đại khái là không khác với chánh vị như phẩm Phổ Hiền Quán nói Vô sinh nhập chánh vị là vậy. Căn cứ vào Kinh nay nói. Thì Đường như chẳng đồng.

1. Dùng hai không để nói.

2. Dựa vào chân tương tự để nói.

Chánh vị thông cả chân và tựa, tương tự; Vô sinh chỉ thuộc về Chân. Chưa biết căn cứ vào đâu, nhưng cho rằng câu “Tánh của người chứng “Thánh” là đúng thì cũng là nghĩa tương đương với quả vị chứng. Sở tuy chưa hề phán định, mà chứng nhập vị rồi, tiếp chuyên ở vị chứng đắc, há ắt phải là luận nhất định? Nói theo hai Không cũng thuận theo văn xử dụng cùng với như trên mà nói v.v...

Nói một đời, hai đời hoặc dựa trên việc phá một phẩm hai phẩm vô minh như Đại Kinh nói. Hoặc căn cứ việc tồn giảm sinh tử, như văn Sở nay so sánh giải thích v.v...

Câu “Này người thiện nam” tiếp xuống là Như Lai thuật lại xác nhận, kết hợp về giáo lý, bao trùm bản, tích sâu xa của Phật. Bởi thế, trước tuyên bảo thật phát khởi Tích; căn cứ theo Sở giải thích “Thật” là kết hợp ở trên đạo quả đã chứng đắc, nói quả vị của bản (xưa) đã an trụ cùng cõi Phật là gần nhau, nghiêm biết Tích nay cách Phật chẳng xa.



Mưa pháp của mười địa, có thể cất lên tiếng rống Sư tử, đầu thế giả dối trao cho! Đó là Bát-nhã phát khởi niềm tin, chẳng thể nói sai.

Trong phần thuật tán thán, tóm lược không ngoài ba nghĩa; liệt kê giải thích như văn sau. “Chỉ có Phật cùng với Phật” chữ “Giữ” (cùng với) có thể dùng chữ dĩ (lấy). Như Kinh Luật cũng có làm chữ giữ thành nghĩa dùng. Nhưng dùng đúng như Kinh Pháp Hoa nói, rốt cuộc không gì bằng chữ giữ.

Nói “Không là Bồ-tát” e chữ Vi (là) là chữ duy (chỉ). Câu khởi đầu để hỏi cũng theo như phần đầu nói vậy. Dựa theo nghĩa ở trong phần giải thích rộng, hỏi tất cả chư Phật là “Trung sinh v.v...” thì chữ trung nên giải thích hai nghĩa:

1. Là nghĩa ở bên trong. Tức tất cả chư Phật tuy có sinh, diệt, hóa cả ba mà đều không lìa ở trong đó.

2. Là nghĩa Trung của Trung đạo: Nghĩa là tuy còn sinh diệt mà không gì không phải trung đạo. Cũng như Phật thường ưa thích Trung đạo mà nói vậy.

Lại căn cứ phần nêu rõ nghĩa Không phân làm ba.

1. Căn cứ tướng hóa là Không tức Không sinh, không diệt, không hóa. Nghĩa là nói theo hai tính chất rữ bỏ và xác lập, thì pháp thân vốn vô tướng, vì muôn vật nên có hình, cho nên sinh ở vương cung, diệt ở Song lâm, tức là dùng sinh diệt hóa độ chúng sinh tức là xác lập. Lại nói Không có sinh, diệt, hóa, là theo tính chất rữ bỏ. Tức rữ bỏ mà xác lập, tức xác lập mà rữ bỏ, trung đạo hiện hữu vậy.

Câu “Không có tự tha” tiếp xuống, là sở thuận theo phần khó, giải thích lại. Nghĩa là phạm nói hóa ắt có tự tha, có tự tha thì có một và hai, nên là che lấp. Sở nói không có tự, không có tha, không có một, không có hai. Không phải hóa, không phải không hóa, thì hóa và không hóa đều dứt tuyệt, sao có ở tướng ư? Tức là vô tướng mà thôi. Nhưng nói không phải không có vô tướng tức trái ngược trên xác lập lại. Đã không có vô tướng, mà vô tướng cũng không có, làm gì có ở đến đi, cũng nên nói không phải không có đến đi, đó gọi là Không phải tướng đến mà đến, không tướng thấy mà thấy, không phải không có đến đi mà quên mất vết tích đó thôi. Nên nói như hư không. Từ đây trở xuống gồm có ba câu “Như hư không” đều kết luận trở về không, là Tất cánh Không mà thôi. Cho nên nay căn cứ vào ba tiết giải thích, lý đó rõ ràng vậy.

Hai là căn cứ Người, Pháp của chúng sinh nói rõ Không. Như văn v.v... Nghĩa là tất cả chúng sinh không có sinh diệt, chung nói về người, pháp là Không. Sinh diệt hóa cả ba đều chẳng thể có được, nên đều

Không. Nói không phải không người quả là so sánh theo tính chất rũ bỏ, xác lập như trên có thể biết. Như Sở dẫn văn Đại Phẩm v.v... đây đủ giải thích rõ ràng, nay không giải thích riêng.

Câu: “Phiền não” tiếp xuống: Riêng nói về hai Không, ngã, Người này là thuộc về Kiến sử, thuộc phiền não, thâm tóm. Nếu luận về Ngã sở, tức là đối tượng được nhờ gửi của giả danh gốc tướng đương pháp thật. Nay dùng chữ giả ( ) tức căn cứ vào chủ Thể chấp là người để nói nên là hai chấp về người, pháp.

Câu “Tất cả pháp tập” tiếp xuống là dùng pháp Thật hiển bày Không. Thật vốn chẳng phải giả, trở thành nghĩa không nên dùng danh v.v... ba thứ giả để nói. Cảnh giới pháp không là chính nói cái Không của Người, Pháp đã hiển lộ, “Không” này không có tướng nên chẳng thể chuyển, “Không” này không điên đảo nên không thuận theo huyễn hóa đó là như Kinh Viên Giác nói: Biết huyễn tức lia, lia huyễn tức giác. Không tùy thuận theo các huyễn, là cũng như nghĩa không thuận vậy.

“Không có Tam bảo”: Phàm nói có danh tướng, vốn là có đối trị, nếu không có đối tượng để đối thì danh cũng chẳng xác lập. Nay hiển bày nghĩa Không, thể nên nói vậy. Lại nói “Không có Thánh người, sáu nẻo” nghĩa là cảnh giới vốn không, tất nhiên chẳng có khác nhau của thể, xuất thể, tên Thánh, hiệu Phàm lại từ đâu mà lập. Đó gọi là tuyệt dứt giả danh của Phàm Thánh.

Câu “Ba là Bát-nhã vô tri” tiếp xuống, gắn liền vào thể phù hợp Bát-nhã nói về Không. Nghĩa là Thánh phàm Người Pháp đều không thì chỉ có Bát-nhã, mà Bát-nhã cũng không nên nói: Bát-nhã vô tri. Nói về Bát-nhã, thì lấy trí làm tên, lấy Không làm Thể, lấy vô tri, Vô kiến làm Tướng. Đó gọi là tri dừng lại ở chỗ bất tri của tri. Đó nói là tri đến tột cùng vậy. Đại sư Tăng Triệu lấy nghĩa này làm Bát-nhã vô tri để luận. Cho nên Luận của ngài nói v.v...

Câu “Mà Kinh nói chẳng hành” là con đường của tâm hành dứt tuyệt. Nói “Không duyên không người” là không giống như các pháp được tạo thành do người duyên, nói thẳng tức là Không mà thôi. Cho nên không tiếp nhận tất cả pháp, không tiếp nhận cũng không tiếp nhận mới được là nay không tiếp nhận. Nói “Không được tất cả tướng soi chiếu” nghĩa là chủ thể đã mất, đối tượng chiếu cũng vắng lặng, nói thẳng như tướng hành đạo. Hành cùng như hành mà là hành sâu xa nơi Bát-nhã, đây là lý do, tại sao nó là tướng hành đạo, cũng như tướng Không nơi Kinh nói mà thôi. Vì vậy nói “Pháp tướng như thị”. Tóm kết

phần trên nói pháp tướng như nơi hư không, không gì không phải Bát-nhã. Vì vậy nói Như như, không thể dùng tâm có thủ đắc, nên không thể thiết lập, vì tất cả pháp thấy đều Như. Không thể dùng tâm không để thủ đắc, nên không thể trừ bỏ. Vì tất cả pháp thấy đều Chân. Thế thì, công đức Bát-nhã, không phải chúng sinh tâm hành có thể đạt đến, không thể dùng các hành giả trung thật, ngũ ấm của chúng sinh cùng với trí cảnh giới phạm phu để hiểu, đều là chỗ chẳng thể hiểu được. Chỉ thuận theo nơi Không, khế hợp với vô tướng, rõ ràng là có thể vận hành Bát-nhã. Vì thế biết, Bát-nhã là chẳng thể nghĩ bàn, ngôn ngữ tâm hành bất dứt, là nghĩa đó vậy. Duy nhất là Bát-nhã chẳng thể nghĩ bàn, nên Bồ-tát giữ gìn, thực hành, chính là kho tàng của tất cả hành, như trước đã nói là ba mươi Nhãn v.v... Tất cả Như Lai đều an trụ trong Bát-nhã mà hóa độ, tức là kho tàng của tất cả Phật, là cảnh Tịch quang phẩm thượng, nơi được trí tuệ cùng soi chiếu. Đều là chỗ không thể nói bằng lời mà biết vậy.

Câu: “Này người thiện nam” tiếp xuống là khen ngợi công đức. Bát-nhã đã không thể nghĩ bàn, thì công đức của Bát-nhã cũng không thể đo lường. Tức là lời tán thán pháp ấy thù thắng của Quốc vương; chỉ kết hợp với câu vua nói là: như một giọt nước của biển, thì vẫn sáng rõ hiểu ngay. Mà Kinh nói như nghĩa của lời vua đó thì giống như trái ngược lại. Nếu chấp nhận theo đây giải thích, đến phần vấn đáp hiển bày lời vua nói là thù thắng thì vì đó có gốc, nên nói vậy. Vì thế nói: Vua không có bốn địa làm sao mà biết? Tức giải thích ngược lại nói vậy. Nhưng vì ý gốc của văn, nên thuận theo sự giải thích đầu. Nếu từ sự thuận hợp để nói thì mỗi cách giải thích nên vì thuận tiện trên phần hạn Hiền Thánh, thích nghi mà linh động.

Về phần nghĩa công đức, nghĩa là trong vô lượng nghĩa nói đó là phần ít. Sở nhấn mạnh công đức của nguyệt Quang là vô lượng, tuy lược mà đủ nghĩa, không phải không có lý này. Hoặc e rằng chỉ Bát-nhã mà nói, nhưng nghĩa đó cũng thuận. Nên xem kỹ lại.

Câu “Cũng là quá khứ vị lai, hiện tại” tiếp xuống là phần nhiều tương ưng thuật lại hứa khả cho Nguyệt Quang. Thuật lại hứa khả cũng như ẩn khả.

Câu “Mười bốn pháp môn” tiếp xuống, là khuyến khích tu hành, có thể biết. Không nhờ pháp môn này mà được Tát-bà-nhã” là nêu lên sự cần thiết để tóm kết khuyên.

Câu “Vì cơ sao” tiếp xuống lại nêu ra lại giải thích, nêu bày không có đạo khác. Kinh Lăng Nghiêm như nói: Bạc-già-phạm ở mười phương

có một con đường đến cửa Niết-bàn. Lại như nói: Phương tiện có nhiều cửa, trở về nguồn nơi tánh chỉ là một. Lại dùng nghĩa không vương ngại giải thích chữ môn (cửa). Chủ thể không giải thích là đường, cũng là một cách thông thường giải thích vậy. Như chủ thể không nói là môn thì há chẳng phải môn này cũng có thể thông suốt ư. Nhờ môn này được Tát-bà-nhã thì môn cũng không vương ngại, đâu chỉ là đường.

Nói “Đi theo con đường chính” nghĩa là không phải mười bốn nhãn môn, trước sau Viên, thật thì do đâu được đi trên con đường thẳng, lớn. Nói “Siêu vượt qua trăm ngàn kiếp khó thấy thân được quả báo vi diệu” là không làm lỗi lầm.

Câu “Phật bảo Đại vương” tiếp xuống là dùng chương lớn tức trả lời câu hỏi thứ hai. Vì văn gồm ba câu hỏi, đây là trả lời câu hỏi thứ ba. Chính là nói Bồ-tát dùng tướng gì thấy chúng sinh, khiến chúng sinh có thể được hóa độ? Tuy chính hỏi về đối tượng được hóa độ, mà thật ra bao gồm cả chủ thể hóa độ.

Câu “Nếu lấy” tiếp xuống là trả lời gồm hai ý. Nghĩa là Bồ-tát tự nhìn thấy bản thân như tướng huyễn hóa, thấy chúng sinh đối tượng được hóa độ cũng như huyễn hóa tức có thể dùng tướng ấy để hóa độ. Nếu không thể thì hoặc chấp mình, chấp người, thọ giả, chúng sinh, trái với tự tánh của Bát-nhã. Không phải là nay sở dĩ hóa độ, ấy gọi là như biết chúng sinh là vô sở hữu, thế nguyện độ chúng sinh vô sở hữu ấy. Lời nói này tận cùng hết lý. Cách nói sau là những người chưa hiểu diễn đạt ra nói thế. Chính là trong phần đáp rộng.

Nói “Thức của chúng sinh” nghĩa là một niệm đầu tiên, tánh của nó chẳng phải gỗ đá, gặp thiện thì thiện, gặp ác thì ác. Niệm này do đó là gốc của thừa thiện ác tức ba cõi, sáu nẻo đều do tâm phát sinh. Gốc là một niệm đầu tiên, cuối cùng là ở tâm Kim cương. Kim cương là tâm sau của vị Đẳng giác, trong đó có thủy, vô thủy, có mê, có ngộ, có thiện, có ác người quả khác nhau, hữu lậu vô lậu khác nhau đều từ tâm biến sinh, là thức không thể nêu bày cũng có thể thành tựu chúng sinh sắc tâm không thể nêu bày, đều từ một sắc tâm mà ra. Vì tâm thức như huyễn nên sắc cũng như huyễn, chủ thể hóa, đối tượng được hóa đều bao hàm như vậy. Nói: “Đây cho nên dung thân huyễn hóa thấy đối tượng huyễn hóa” tức chân thật hành hóa ở chúng sinh. Vì vậy, Sơ giải thích v.v...

Câu “Nghĩa là bản Thức”, tức là chánh người Phật tánh, chỉ rõ ra Thể của Thức. Đó gọi là phàm người có tâm đều sẽ làm Phật, là nghĩa đó vậy.

Nói: “Không phải có, không phải không” là không phải sự đo lường của hai bên có được. Như nói là: Vừa nói đó là có, nhưng không là diện mạo, hình sắc, chất lượng v.v... là nghĩa đó vậy.

Nói “Không biết không quên” là chính nói thể của Thức không phải ký, vô ký, như tánh ướt của nước v.v... Nghĩa là các pháp đều tùy theo tánh mà riêng khác, không phải nói là tánh duy nhất. Chỉ tùy thuận theo thiện ác mà có sai biệt, thì tánh tập cũng do đó mà khác.

Văn Sở nêu dẫn Đại Kinh chứng minh, là chẳng phải hoàn toàn chứng minh là đồng, cũng để hiển bày sự khác biệt. Trên dùng tánh của nước lửa v.v... để nói, tức chọn lấy tánh của tánh tập mà thôi. Đây dùng một vị như nhau, lưu chuyển thành khác để nói thì ở chỗ khác hiển bày về lý của nó là đồng.

Sở nhận định phân biệt về bản thể của chúng sinh là có không tức là dựa vào văn gốc kia dùng không vấn nạn có. Nếu nói bản thể là không thể đạt được tức là không có; cũng nên dùng có vấn nạn không, chỉ vì văn lược. Trong phần đáp tóm lại có hai.

1. Căn cứ lý nói không có tức là không chấp nhận có ở trước sau. Nghi là thêm vào một chữ “Vô” (không).

2. Căn cứ vào Sự nói về có, thì một niệm sinh Thức, nghĩa ấy chắc chắn, là có rồi, nhưng không phải đó gọi là biên vực của chân tế (chân thật). Nếu nói về giáo lý Đại Thừa để biện minh, thì biên vực chính là không biên vực, không biên vực chính là biên vực. Biên vực và không biên vực cả hai đều được; cũng chưa hề có thuyết nhất định; như thông thường luận đó v.v...

Câu “Thức của chúng sinh” tiếp xuống là rộng giải đáp về chúng sinh là đối tượng được hóa độ thì tướng như huyễn. Nói về tướng huyễn thì lấy giả đối không thật làm nghĩa. Sở căn cứ vào sáu thứ giả mà nhận định giải thích. Đầu tiên trong phần pháp giả nói một Thức sinh năm ấm sắc tâm; lại ở một sắc sinh ra vô lượng sắc, tức có nghĩa của mười hai nhập trong đây. Lại dùng bốn đại được tạo ra mà sinh năm ấm, thức dựa nhờ ở căn, đó là năm căn, tức hết thảy là mười tám giới. Nhưng đều từ một niệm Thức sinh ra nhiều. Từ nó không có, huyễn là có, tức là tướng huyễn ảo giả dối. Đã nó căn, thức, bốn đại, thì bốn loại pháp, không, thức v.v... cũng thấy được bao gồm, chỉ vì văn lược thôi. Cho nên, tổng kết như Sở có thể lãnh hội.

“Không nói về pháp nhập sắc”. Nghĩa là đối với sắc, tâm pháp nhập là phần nhỏ, lại văn Sở cũng lược.

Nói về sự khác nhau về Kiến giải của Phàm Thánh, tức cũng là

pháp không có tự tướng, nhưng hoặc thấy là giả, hoặc thấy chân thật. Cho nên nói Phàm phu sáu thức thô v.v... Nghĩa là phàm phu nhận thức thô thấy giả mà ngộ nhận ở thật. Thánh người nhận thức trong sạch, thấy thật mà chẳng mê hoặc nơi giả. Cho nên Thánh phàm thấy có khác nhau. Thậm chí ở vị Thánh còn có lớn, nhỏ, sâu, cạn, nên thấy có thường, vô thường, hoặc diệt sắc hiển thường, hoặc ở thật thấy lý v.v... Đó gọi là các pháp tự nó đâu từng cho là có đồng khác, chẳng qua hết thảy do tâm phân biệt thôi.

Chúng sinh là tên gọi của Thế đế: Sở chân chính từ đây trở xuống nói về thọ giả, không phải không có nghĩa thọ mà là vẫn không hiển bày, chỉ kết hợp phân phân tích tiếp theo đồng làm một nghĩa giả danh. Đối với năm ấm pháp thật ở trên, thành hai cảnh người và pháp. Tiếp đến phần sau, ba giả đều được gọi là huyễn. Văn nhận định mà không nhiều, tuy cùng phân tích có khác nhưng cũng có văn đồng mà phân tích khác nhau, tức như trong văn của Diệu Số v.v...

Nói “Hoặc có hoặc không” nghĩa là đối ở trên pháp Thế đế tức giả danh là có là không, chỉ vì sinh ra tướng nhớ của chúng sinh nên gọi là Thế đế, không phải Thật đế lại là Thế pháp mà không phải đế. Cho nên nói Thế đế, là giả đối huyễn hóa nên có mà chẳng phải có thật; chẳng phải có mà có, đó là huyễn hóa ra có, cũng gọi là Huyễn đế. Lại Huyễn đế là đối với Thật đế mà được tên gọi; Thế đế là đối với chẳng phải đế để nói. Mỗi thứ đều có lý riêng mà tùy theo đó nghĩa có sâu cạn.

Lại nói: Cho đến chúng sinh huyễn hóa trong sáu nẻo, nghĩa là có chủ thể và đối tượng. Một là cho sáu nẻo huyễn hóa làm chủ thể thấy, thấy huyễn hóa là đối tượng được thấy. Hai là cho hai chữ huyễn làm chủ thể thấy, thấy bốn tánh huyễn hóa là đối tượng được thấy. Chỉ là câu nghĩa ảnh hưởng bổ sung; không có cách nói khác.

Câu “Sở nói Kiến là” tiếp xuống là giải thích kỹ lại nghĩa kiến đã nêu bên trên. Không phải chỉ nghĩa chủ thể thấy mà thôi, cũng còn là chủ thể soi chiếu nhận biết chủ thể hóa độ, đối tượng được hóa độ đồng nhất đều như huyễn. Nói Chân huyễn tức Bồ-tát của Biệt giáo là người tức chủ thể hóa độ. Còn lại Thông, Viên có thể biết. Văn lược bớt đó thôi.

Nói “Hóa thật huyễn” tức nghĩa phàm phu trong sáu nẻo đã nêu trên. Hóa và đối tượng được hóa thảy đều thấy nên nói vậy. Bởi thế lại tiếp nối phần nói Huyễn đế ở trước nghĩa là pháp huyễn từ kiếp Không đến nay, cho đến lúc Phật chưa ra đời, vốn không có danh tự, cho dù có



cũng không có nghĩa thật. Nên nói Không có nghĩa, gọi là pháp huyễn đó là nghĩa, của Thế đế hữu danh vô thật. Vì vậy biết, huyễn hóa gốc là danh tự, đã không có nghĩa thật há có Thế, Tướng. Cho nên, đối với tất cả danh tự trong sáu nẻo là không có, nhưng nếu hoàn toàn không có danh tự thì chúng sinh không có chỗ đi vào đạo Thật; chứ Phật không có chỗ thiết lập quyền phương tiện, chúng sinh nhờ đâu ra khỏi sanh tử? Vì thế nên Phật, Phật ra đời đều vì chúng sinh mà thiết lập giả danh, làm cho các chúng sinh người nơi danh biết được pháp, nhờ pháp ngộ không. Đó là như Kinh Kim Quang Minh nói: Kiếp sơ mệnh mộng vạn vật không có văn tự, Thánh người hưởng lên tức là pháp chân, cúi xuống thiết lập danh hiệu Tục, là nghĩa đó vậy.

Câu “Như pháp Không” tiếp xuống là kết tóm nghĩa các pháp của ba cõi v.v... từ trước đến nay; vô lượng danh tự thấy đều như pháp không, tức như huyễn như hóa không gì không phải Bát-nhã. Lấy đó ví như các pháp khác, khởi lên ba giả sau nối tiếp, đối đãi, không có pháp thật định, đó tức như huyễn cho nên, nói chẳng phải một, chẳng phải khác. Vì thế, ắt phải căn cứ vào sự nối tiếp, đối đãi để suy luận, nghĩa là đối với Người, Pháp, cả hai, không và có, chưa có thể hội nhập, nên cần phải dựa trên sự nối tiếp, đối đãi để hỗ trợ phát khởi, nghĩa là ắt phải khiến hội nhập Không, rồi sau tất nhiên đầy đủ cả hai. Như Chỉ Quán nói v.v...

Nói sự nối tiếp nhau, là lấy sự tiếp nối trước sau không đứt đoạn làm nghĩa, khiến cho nhất định là một là khác, không gọi là nối tiếp, không phải một, không phải khác như vậy mới gọi là nối tiếp. Như thế của càn, chồi chẳng phải một, chẳng phải khác mà thứ tự sinh trưởng đó là giả có sự nối tiếp. Lấy đó mà suy ra, thì không có pháp thật nhất định, ấy tức là Không.

Lại sự giả có đối đãi, là hết thấy danh tướng đối đãi nhau, như năm sắc có, không có đối đãi đều được còn gọi là đối đãi không định rõ. Nên Sở giải thích có hai ý, đối đãi nhau, đối đãi so sánh với nhau, phối hợp nghĩa có thể biết. Còn nói Đối đãi xa cách nhau, cũng như nói hai thứ không thể xác lập gần nhau. Như Luận nói v.v...

Lại nói “Duyên Thành giả” nghĩa là cũng gọi là người sinh, không ngoài người duyên của mười hai chi, ngũ ấm tạo thành chúng sinh nên nói là đồng thời người quả Sở giải thích v.v... Nhưng văn có hơi lược, dường như không dễ hiểu.

Nói duyên với thấy là đồng thời. Chữ Kiến (thấy) nên phát âm nghĩa là Hiện nghĩa là quán, cảnh hiện hữu xảy ra trong cùng một thời

điểm gọi là đồng thời (câu thời) nếu quán chỉ là người, tức khác thời. Lại như rường cột làm thành nhà là đồng thời, mà sự thành có từng bước gọi là khác thời. Như mười hai thời (giờ Âm lịch) có trước sau là khác thời, cùng thành là một ngày tức đồng thời. Cũng như đèn và ánh sáng v.v... nghĩa đó có thể biết.

Nhưng tìm lấy trong các người quả như nêu trên v.v... có pháp thật, rõ ràng đều chẳng thể đạt được, đó là Huyền đế. Chúng sinh sống trong huyền, mà huyền là không phải đế, tức là sống trong vọng, huyền. Huyền mà có khả năng hiểu đúng thật (đế) về huyền ấy, gọi là Huyền đế, Huyền đế tức là Không vậy. Nếu như Bồ-tát thấy như trên nói, chúng sinh là huyền hóa, cũng là một cách nói thông suốt vậy.

Câu “Thập trụ Bồ-tát” tiếp xuống là chỗ thấy của Bồ-tát-chủ thể hóa độ hiện nay. Cho nên nói như huyền đế mà thấy Bồ-tát hóa độ chúng sinh là như đây.

-----

### **Phân Tổng Kết Trở Về Nói Ý Phân Hối Trên**

Giải thích Phẩm Nhị Đế:

Tiếp theo giáo hóa mà nói hai đế nghĩa là: Sở căn cứ hai nghĩa luận tiếp. Đầu tiên là trong đối ngoài, tức văn nói hộ trì bên trong có ba phần riêng; tức là người quả, tự tha và y chánh, chung được làm thứ tư. Hai là dùng hai đế của phẩm này đối với hai hộ trì nói trên, tức có khác biệt của chủ thể nương tựa và đối tượng nương tựa. Đối tượng là Huyền đế được thấy, chủ thể là Thức chẳng thể nghĩ suy, tức là hai đế Chân Tục, nên tiếp theo luận bàn về hai đế.

Nói chung, hai đế là tông chỉ đại cương của Phật giáo, tức là nói trên phương diện nền tảng. Đức Như Lai thường dựa vào hai đế mà nói pháp, một đời thuyết giảng giáo pháp của Phật đều thấu gồm trong hai đế. Lại dùng bảy loại hai đế (?) thấu tóm hết, thì một sự nghiệp giáo hóa qua năm thời đều trọn vẹn cả. Nói đến cùng thì có pháp nào mà không là phải Chân Tục ư?

Nếu hạ thấp cho rằng có, không, thì ai không biết. Chính vì thế nên phải nghiên cứu thẩm tra, xét nghĩa thật sự của có, không đó, mà dẫn đến trải qua các giáo phân định sâu cạn, tùy văn, diễn đạt nghĩa, có nối tiếp, có chính đáng, tình trí mở ra. Kết hợp lại, đó cho nên là vấn đề khó. Phàm nói là đế tức chỉ là lý. còn không có một, làm sao có hai, huống gì đủ loại sai biệt?

Lại nói, phàm phu thấy cạn gọi là Tục, Thánh người thấy sâu xa gọi là Châu, bởi thế nói, tức chỉ có Chân Tục mà thôi. Do đó, nối tiếp

thông với phẩm trước, tiếp đến, kết luận v.v... Hai lớp hỏi đáp đều nói rõ về lý Không hai, thì lớp đầu nói hai đế, không hai, là kinh hỏi v.v... cũng nên nói: Trong Thế đế có Đệ-nhất-nghĩa-đế hay không chỉ là tóm lược. Nếu đều nêu ra thì nói: Nếu nói là không có v.v... thì xưa nay gồm có hai thuyết. Một là xưa giải thích. Hai là nay, tức Sớ giải thích. Căn cứ vào lý thì mỗi thuyết đều có nghĩa phù hợp, tuy nhiên cả hai cùng giữ lại cũng được. Nhưng thuyết đầu là đối trí phạm với trí của Thánh, tức một tí của Phạm, một của Thánh nên mất nghĩa Đệ. Nay Sớ trình bày thì Đế, Trí đều được. Nên nói một có một không đều là đế, nói đều là Không tức bằng với Trí. Nên gọi là cả hai đều được. Ý nơi phần hỏi khó nhận biết, rõ thấy rõ nơi phần Kệ dưới, mới hiểu được sự vi diệu của không thuyết không nghe, mới là chỗ bàn luận không phải một không phải hai, tức chẳng phải một, chẳng phải khác, là Bát-nhã chánh tuệ có mặt ở Kinh này. Vì thế, học giả xét kỹ, không nên phỏng đoán, luận bàn.

Phần đáp của Kệ tụng, vì Văn trường hàng đã dẫn lời đáp về người xưa kia của Nguyệt Quang, nên đây thích nghi dùng kệ dẫn lời của bảy Phật để nêu bày. Như phần giải thích, phân biệt bên dưới, tiết, mục chặt chẽ, không có lẫn lộn. Nghĩa là luận không dựa trên suy lường trong phẩm, mà chỉ thẳng chân, tục là một lý vi diệu vốn không phân biệt. Dùng một lý vô để nói là vô tánh, vô tướng, vô tự, vô tha, vô hữu, vô vô, vô nhị, bất nhị. Chữ vô bằng với nghĩa bất tác thì thấy đều là nghĩa Vô (không). Dùng lý bản hữu (vốn có) mà nói thì đệ nhất nghĩa bản hữu, người duyên bản hữu, chư pháp bản hữu, có không bản hữu, hai đế bản hữu, ba giả bản hữu, không có chợt nhiên, mà chẳng phải bản hữu. Dùng lý Không để nói thì đệ nhất nghĩa Không Đế thật cũng Không, Tịch diệt cũng Không, hai, không hai cũng Không, huyễn hóa hoa đốm hư không, như bóng như ba cánh tay cũng đều Không. Cho đến, cho là Đệ-nhất-nghĩa-đế thì đều là Đệ-nhất-nghĩa-đế, cho Thế đế thì đều Thế đế, cho một thì đều một, cho hai thì đều hai, cho có đều có cho không đều không, cho đúng đều đúng, cho sai đều sai, cho tất cả dị danh biệt thuyết thì đều là dị danh, biệt thuyết, cho là nói vụng, lời hay thì đều là nói vụng, lời hay. Nếu cho cả những câu kệ nêu trên là lầm lạc, e rằng không dễ dùng lý luận bàn rõ nghĩa để hiểu, nên chỉ để làm rõ cái tự tánh Bát-nhã là vô tận diệu lý vậy.

Câu “Có không vốn tự là hai”: Chính giải đáp vấn nạn v.v... Trong một hàng kệ đầu, Sớ hình như lầm lẫn vài chữ v.v.. nay lại dùng Kệ kết hợp giải thích nói. “Có không vốn tự là hai” là nói đủ theo lý thiên nhiên ví như bò có hai sừng, không thể thiếu một. Thấu rõ tâm thì không

hai, đối với hai thấy rõ lý không hai, chữ không phải thật có hai. Hai để là thường bất tức (chẳng là nhau), bất tức cũng bất ly (chẳng lìa nhau); mà trí tuệ có thể thấu suốt thì tìm có hai chẳng thể được. Lại dùng Lý ngăn tình (mê) không phải nói hai để là một, trở lại dùng Trí chiếu Lý biết là hai cũng không là hai thì không phải hai làm sao có thể được. Ở hiểu thường tự là một tức Lý chẳng vương ngại Trí. Ở để thường tự là hai thì Trí chẳng vương ngại Lý. Lý trí cùng hiển bày cho nhau, không một lại không hai là thông đạt đạo không hai, là thật sự hội nhập lý Bất nhị. Phải biết không có nghe, nói tức là sự nghe nói này.

Trung phần nói Thế để có, không, nêu ba cánh tay: Nghĩa là cánh tay, ngón tay là hai, nếu nói ba cánh tay tức không có. Cũng giống như Kinh Tịnh Danh nói đại thứ năm, tình thứ bảy v.v...

Từ câu “Đại vương Bồ-tát” tiếp xuống là giải thích xác nhận phần nói Bồ-tát ở trên: “Đối ở trong một nghĩa thường chiếu hai để để giáo hóa chúng sinh”. Văn gồm có hai, trước lược sau rộng. Vì văn phần đầu không xác định một, hai, nên phân biệt về nghĩa một, hai không có.

Phần đầu lược là chỉ nói đệ nhất nghĩa là Không. Thường soi chiếu hai để nghĩa là không lìa Trí Chân mà hóa độ ở Tục; tức biết Phật và chúng sinh thường tự là một. Thế thì Sơ nói Chiếu Tục hóa độ phạm phu, chiếu Chân hóa độ Nhị thừa nghĩa là sao? Đây là văn căn cứ vào đối tượng chiếu để phân định Chân, Tục; chứ không phải Chân của chủ thể chiếu tương đương với đối tượng hóa độ. Nếu dùng Chân của chủ thể chiếu so với Tục của đối tượng được hóa độ thì Chân Tục đều là Chân; nếu dùng Tục của đối tượng được hóa độ so với Chân của chủ thể hóa độ thì Chân Tục đều là Tục. Văn có lý riêng, không cứ chuẩn làm một.

Câu “Vô có sao?” tiếp xuống là câu nối thông phần trên, nhấn mạnh chứng cứ.

Tiếp đến phần giải thích riêng: Gồm ba đối (cặp). Đầu tiên đối Năng, Sở (chủ thể đối tượng) để nói rõ lý Bất nhị. Nên nói Phật và chúng sinh là một mà không là hai. Chính vì không là hai, nên được an đặt chúng sinh Không vào Bồ-đề Không, tức đối tượng được hóa độ quy tụ về chủ thể hóa độ. Vì an đặt Bồ-đề “Không” vào chúng sinh Không, tức chủ thể hóa độ quy tụ về đối tượng được hóa độ. Sắp đặt ở đây cũng như sự an đặt các con và sự an đặt của kho tàng bí mật. Như nước đổ vào nước, đều hòa nhập, như hư không kết hợp với hư không chẳng thể là hai. Lại nói vì tất cả pháp là Không nên Không Không. Câu này thuộc về hai nơi. Nghĩa là nếu tiếp nối văn trên, tức là tóm kết phần nói chủ

thể, đối tượng đồng là một là Không, được dùng nghĩa “cùng vào”. Nếu sinh khởi cho văn đối sau tức nói tất cả pháp Không đó là cảnh Không. “Không Không” là do cảnh Không nên trí Không, cũng do trí Không nên cảnh Không. Vì thế nói Bát-nhã là vô tướng v.v... Nói vô tướng là Thể nơi tự nó là Vô tướng, cũng không có cái vô tướng. Cho nên, hoặc Chân, hoặc Tục như tướng hư không thì lại nói: Không cả nơi vô minh là không có tướng tha, và Tát-bà-nhã không có tự tướng. Nếu không có tự tướng thì chủ thể thấy là gì, đối tượng nhận là ai, cái gọi là Người là Quả đều không thể được mà là có vậy. Cho đến nói là Ngũ nhãn thành tựu thấy mà không có gì là thấy, quả vị Phật cũng Không, ấy gọi là Bồ-tát với Ngũ nhãn thành tựu đầy đủ đó vậy. Văn lại dùng Hành so sánh với Thấy, nói v.v...

Hành cũng như hành ở công hạnh của Bát-nhã rất sâu kia, Hành, chẳng Hành đồng đẳng, dĩ nhiên đều chẳng thọ, chẳng thọ cũng chẳng là thọ, thế thì chẳng thọ tức tự tánh của Bát-nhã.

Đối Nhiễm Tịnh nói v.v... Nghĩa là Bồ-đề, phiền não tuy mê ngộ nhiễm tịnh có khác nhau nhưng trong Đệ-nhất-nghĩa-đế gốc chỉ là một Thể, nên Không có hai Như. Vì vậy, khi chưa thành Phật toàn tịnh là nhiễm, sau khi đã thành Phật đối ngược lại mê thành ngộ. Đó thật ra không có pháp sai biệt.

Từ lâu “Bạch Phật” tiếp xuống là lặp lại nối tiếp văn trước nói nghĩa của ba đối không ngoài tướng Không của các pháp, tức không có Văn tự thì làm sao Phật và Bồ-tát được gắn liền với văn tự mà vận hành tướng Không của các pháp, dùng Bát-nhã để hóa độ chúng sinh. Kinh nói: “Hành các pháp trong” nghi sót một chữ “Không” Sở nói “Nếu các Không như” nghi thiếu một chữ “Pháp”.

Tiếp đến trong phần đáp nói về Pháp luân. Nghĩa là bao gồm mười hai bộ Kinh mà đồng nhất đều nói “Như” tức là chẳng tức văn tự, chẳng lia văn tự. Chính vì chẳng lia đó, các pháp đều Như, được vận hành tướng Không của các pháp.

Sở dùng tên Kinh giải thích trong mười hai Bộ: Tức là theo lý nên trước nêu ra tiếng Phạm, giải thích dùng tiếng Trung Hoa để nói. Nay thì ngược lại, tức cho tiện lại.

Câu “Là Danh Cú” tiếp xuống là so sánh về Thể của giáo có giả có thật, Giả là ba thứ Danh, Vị, Cú-Thanh sắc nơi nó là một thật. Ba, một hòa hợp để thành Thể của Giáo. Thanh (tiếng) tuy chẳng phải báo mà dựa nhờ ở báo nên cùng gọi là quả. Chính xác luận bàn về văn tự, tuy chúng chẳng phải thiện ác, nhưng pháp mà văn tự nêu ra không

ngoài thiện ác, nên tánh cũng thuộc về Kỳ ? (Hữu ký). Xét cho cùng, thì cũng chẳng tức chẳng lia; chẳng tức là không có tánh cố định, là cũng như Không; Không nên đều Như. Vậy, không đấm trước văn tự, mà vận hành được tướng Không, nghĩa đó bao trùm như đây.

Vì thế nói: Nếu chấp giữ văn tự, là người không thể vận hành lý Không, trái lại còn bài xích kia là sai hiển bày đây đúng. Nhưng Số lại nói “Thực hành Không, không phải chánh quán” e rằng trái ngược nghĩa ở đây, (chưa xem kỹ v.v...).

Từ câu: “Này Đại Vương! Như văn tự” tiếp xuống: Lại đưa ra lý do chỉ lại người hành tu tướng. Nói Như như, ý trước sau có khác, chính là Như ở Văn tự của đối tượng được nhận biết, dùng đó tu trí tuệ là mẹ của chư Phật, mà có thể sinh ra quả phù hợp. Cho nên nói mẹ trí tuệ. Có khác biệt giữa tánh của lý và tánh của hành, cũng là tánh căn bản của tất cả chúng sinh tức tánh của lý tánh. Tức tánh thành trí là Thể của Tát-bà-nhã. Nên dùng ba đời để nói, thì sẽ được là mẹ trí tuệ, chưa được làm tánh của lý. Đã được là Tát-bà-nhã, thì đó thực chỉ là một.

Câu “Bát-nhã của ba Thừa” tiếp xuống là nói tánh của Hành tánh. Vì căn cứ vào hành của ba thừa khác với tánh duy nhất, nên nói là tánh của hành; tức là tự tánh bất sanh, bất diệt thường trụ vậy.

Lại nói tất cả chúng sinh dùng đây làm tánh giác là lấy chung chứng minh riêng chỉ vì trước nói tánh của lý nên nói căn bản, đây từ Hành mà nói nên gọi là tánh giác, đại thể không khác.

Câu “Bồ-tát không thọ” tiếp xuống là tổng kết xác nhận Hành đều là Bát-nhã vẫn dùng ba nghĩa nơi Hộ trì nói trước thuộc phần Tông chỉ làm như đây, nhưng ở trong văn có chút lầm lẫn, nay sửa lại cho đúng. Nghĩa là trong tâm Bồ-tát có thể không thọ nhận chấp trước, thì bên ngoài Không có văn tự có thể được, đó chính là không có thọ thì không có văn tự. Nay sửa lại thì vô văn tự không phải là không có văn tự, tánh văn tự là lia, là lia văn tự. Sách Chỉ Quán nói: Thấu đạt văn chẳng phải văn, chẳng phải văn, chẳng phải chẳng là văn, thì còn văn tự gì là có. Nên nói lia văn tự là chẳng phải văn tự. Trong văn thêm một chữ “Phi” (chẳng phải).

Nói “Tu vô tu” là nói theo Hành bên trên thì Tu mà vô tu. Tu vô tu là văn thuộc câu tiếp theo, lầm là phần nói tu văn tự, khiến làm cho khó hiểu. Nhưng khiến văn thông hợp lý hiển bày, ít có đồng dị cũng lại đâu có sai, thử xem kỹ lại.

Câu “Lại nữa, bạch Phật” tiếp xuống là lần nữa vì căn hành của chúng sinh hỏi pháp môn là một, hai, hay vô lượng. Số gồm hai giải

thích. Theo cách giải thích sau thì đúng hơn. Căn là căn tánh có lợi, độ khác nhau. Hành là những gì tu tập, có sâu, cạn khác biệt. Căn, hành đều là đối tượng được bao gồm, pháp môn là chủ thể bao gồm. Kinh dùng đối tượng theo chủ thể để hỏi, tức hỏi pháp môn cũng có một, hai, vô lượng ư? Đáp: Tất cả pháp quán môn v.v... Vân hỏi nói, như vậy, đúng nên trả lời: Tất cả pháp vốn chẳng phải một, hai; quán môn mới có vô lượng. Nhấn mạnh lại dùng quán theo đế, vốn chẳng phải một, hai; dùng đế theo quán mới có vô lượng tức pháp thì theo cảnh, quán thì theo trí, cảnh quán cùng hiển bày cho nên khác. Lại nói tất cả pháp cũng chẳng phải tướng có v.v... Lại hiển bày tất cả pháp chẳng phải một chẳng phải hai, nên nói chẳng phải tướng có v.v... Đây đủ nên làm bốn câu:

1. Chẳng phải tướng có
2. Chẳng phải tướng không.
3. Chẳng phải tướng chẳng phải có.
4. Chẳng phải tướng chẳng phải không.

Văn lược hai câu giữa, cùng có thể làm riêng, hợp mà luận, thì câu trên theo riêng lược câu tướng không, câu dưới theo hợp lược câu tướng có v.v... Xét cho cùng, không phải tất cả tướng đó gọi là Thật tướng. Tức là Bồ-tát không thấy tướng chúng sinh, không thấy có một pháp, hai pháp có thể được. Bồ-tát nếu thấy có thể được tức không thấy một, hai của Đệ-nhất-nghĩa-đế hiện tại, nên nói một, hai là Đệ-nhất-nghĩa-đế. Lại nói: Nếu thấy có, không tức là Thế đế. Sở định nghĩa là gốc của các thấy (kiến), nghĩa này cục bộ; nay nói là gốc của các pháp. Cho rằng đế quán không ra ngoài ba đế thâm nhiếp tất cả pháp, đó gọi là Không đế tức không, Sất đế tức Giả; Tâm đế tức Trung. Không gì không phải tánh của tâm. Ba thứ này là cùng với nay nói Chân, Tục, Trung đạo thì đồng mà tên gọi khác, triển khai, kết hợp khác mà thôi. Cũng cùng một nhà phán giáo trong về ba quán (Thiên Thai gai), đó chỉ là một. Nhưng Số nói: Tất cả pháp là Sự Lý đều bao gồm, cách nói đó v.v... thì ở Lý không phải không có nghĩa đó, nhưng về Chân Tục mỗi thứ có ba phân biệt mà thôi, chưa thấy được cái vi diệu của ba đế hiện nay. Nói theo nay, đó gọi là thấy trọn vẹn sự lý đầy đủ trong một niệm. Phàm nói chỉ một niệm đầy đủ hết cả, tức là không một, không khác, không có trước sau, pháp vốn tự như vậy chưa hề tăng, giảm, thì tánh vi diệu, Thiện chân hiển nhiên tồn tại mà trước sau khắp tóm, ý chỉ càng rõ. Một nhà quán môn sao lấy thêm vào đây? Cho nên, sau phần ba đế, nói về ba giải tức lại là Tông chỉ. Hai đế dùng để hiển bày đều không,

thì không lia sắc tâm, không gì không phải Bát-nhã, thì một căn một hành sao, chẳng được do đây? Tức sự mà chân chẳng còn xa vậy. Cho nên nói: Pháp môn chẳng phải một chẳng phải hai.

Vấn còn lại là tán thán giáo pháp khuyến khích hành trì như Sớ giải thích có thể biết.

Giải thích Phẩm Hộ Quốc.

Kinh dùng chữ “Hộ pháp” đặt tên, giáo dùng sự lập pháp làm gốc, là nguyên do thiết lập phẩm này vậy. Mà Hộ có trong ngoài. Trong là hộ pháp thì có hộ trì người quả, hóa độ chúng sinh, tức dựa vào Chân đế. Ngoài là hộ người (người) tức có bảo hộ lãnh thổ, người dân, các hoạn nạn, tức dựa vào Tục đế. Nên tiếp theo phẩm Hai Đế là có phẩm này.

Sớ giải thích gồm hai phần: Trước nương theo văn phân trong, ngoài có thể biết. Tiếp giải thích tên phẩm lại có hai. Nếu nói cho tiện, nên giải thích Hộ trước tiếp giải thích Quốc. Nay theo nghĩa thuận tiện giải thích Quốc trước. Vì không có quốc gia, hộ trì cái gì, mà có thiết lập hộ trì? Nên đầu tiên nói về quốc độ, tiếp trình bày lý do phải hộ trì.

Văn phần đầu, nghĩa là thế gian thì có ba cõi phần đoạn, là nơi nương ở của phàm phu, Nhị thừa. Phàm phu bao gồm Trời, người mà không nói bốn thú kia nghĩa là không phải phần chính được bảo hộ. Nếu dùng ý Phật, thì có chỗ nào mà không thông. Về xuất thế gian thì có ba cõi biến dịch, là chỗ nương ở của Thánh vị bốn quả. Nay văn dùng Thập tín đến Thập địa để nói, là căn cứ vào vị đã đoạn Hoặc, ra ngoài cõi. (Ba cõi). Nhị thừa chưa đoạn hết Hoặc, quả còn bị trói buộc trở lại, vẫn còn trong ba cõi nên nói. Ngoài ra, Bồ-tát chưa đoạn hết Hoặc cũng giống như Nhị thừa nên lược không nói đến. Xem rõ trong Luận v.v...

Tiếp đến nói nguyên do phải hộ trì cũng có trên ngoài. Nghĩa là trộm cướp tức giặc ngoài, phiền não kiết sử v.v... tức giặc trong. Vì có giặc trong, ngoài nên phải có hộ trì cả hai, mà có chủ thể, đối tượng được hộ trì. Chủ thể hộ trì như trăm bộ quỷ thần v.v... hộ trì bên ngoài; như Bát-nhã trí tuệ v.v... là hộ trì phần bên trong. Nhấn mạnh phần gốc mà nói tức nương theo thần lực hộ trì, mà công Thánh được tỏ rõ, há là người lực có thể làm được vậy? Nhưng cũng người nơi con người mà có như thế, nên nói: “Hoặc như trong nài v.v...”, như phần sau giải thích. Tiếp căn cứ vào giáo quán giải thích: Cõi nước là đối tượng được hóa độ không ngoài bốn loại: Tức là bốn cõi. chủ thể hộ trì là pháp môn Quán, tức quán sinh diệt v.v... tùy thuộc vào Giáo, mà quán có riêng khác. Về nghĩa ấy có thể hiểu. Nhờ vào lực quán nên làm cho ba Hoặc



không dấy khởi, thì tức là bốn cõi được an ổn.

Câu “Lại trăm bộ” tiếp xuống là nói về đối tượng được hộ trì có khác nhau. Nghĩa là trăm bộ chỉ có thể hộ trì cho đất nước v.v... mà không thể hộ trì nổi chánh báo (con người) nên nói nước, cõi là Y báo. Bát-nhã vốn hộ trì ở chánh báo mà cũng hộ trì nước nên nói nước cõi là chánh báo. Thường tuy nghĩa như vậy, mà hẳn phải gồm chung Hộ trì mạng sống... cũng như thế, đi vào nội dung văn tùy thuận giải thích.

Nói “Tôi nay” (Ngô Kim), là chỉ chính vào người đang nói, là đối tượng thỉnh cầu. Tuy nhiên, pháp ắt phải từ chỗ sâu nên trước nói việc hộ trì quả. Nhấn mạnh chẳng phải gốc, không lấy gì để sửa gọt. Khi nước sắp loạn nghĩa là phạm việc trị loạn của quốc gia có hưng thịnh, suy vi nên chắc chắn tự nhiên là có kịp thời và có chậm rãi. Kịp thời thì có thể nhận thức chuyển biến là thông, có chậm rãi thì có thể dùng sự nhận biết về rắn đe, sợ hãi. Loạn mà biết sợ hãi đó là khó làm sao có vậy. Vì vậy nói: “Còn mà không quên mất, an mà không quên ngay”. Sợ có cho nghĩa thật hại là thiếu, nghĩa đơn giản chỉ là thật sự bị hại, đó là nghĩa thiêu, không hẳn là nghĩa thiêu đốt trong ba tai nạn (tam tai). Mà đây nói kiếp thiện là nhấn mạnh nghĩa mà chọn nói. Như Diệu Số nói lửa ba độc đó vậy. Nếu quả như cho rằng là cướp lửa, chắc chắn không được mà có thể trốn, thì còn được quả gì mà hộ trì ư? Sẽ đề phòng lúc chưa hình thành là được vậy. Nếu phạm khi lửa lớn thiêu đốt mà ta và cõi này an ổn, thì tuy có cướp lửa cũng không được mà đốt. Nên suy nghĩ.

Nói: “Nên thỉnh trăm tượng Phật” là nói sự thiết lập, sắp xếp đúng nghi thức của việc hộ pháp. Nghĩa là:

1. Thỉnh tượng.
2. Tập họp chúng (Tăng).
3. Mời Pháp sư thuyết giảng.
4. Cúng dường Tam bảo.
5. Phụng sự Pháp chủ.
6. Ngày hai thời thỉnh thuyết Bát-nhã.
7. Thỉnh trăm bộ quỷ thần vui thích vân tập nghe pháp, người đó

hộ trì đất nước.

Trên đây là nghi thức bắt buộc, nhưng quý ở sự tôn nghiêm, không nghe người khác nói.

Tiếp nói các nạn của đối tượng hộ trì gồm hai tức là quỷ thần và người. Ba nạn như lửa v.v... trong đó trời đất sinh việc quái gỡ cũng thuộc nạn ở người. Nghĩa là Trời đất tam quang (Trời, trăng, sao) không

có việc quái dị, mất mùa, là do con người nên thuộc về nạn của người. Như nước, lửa, gió ba tai họa vốn là do nghiệp cảm, tùy loại tương ứng, sao cho rằng giảng Kinh pháp này mà có thể thoát ư? Là cũng có đạo lý đó, nhưng Sở không luận đến. Lại căn cứ vào nghi thức thỉnh thế lực khác, căn cứ vào danh giáo mà nói tức nói đến Thiên thời chẳng bằng như địa lợi, địa lợi chẳng bằng như người hòa. Sở dĩ nước có tai họa do Trời không gặp thời, đất không thuận lợi, người tình không hòa thuận mà thôi. Nên khiến cho giảng Kinh này, thì đạo pháp được thông suốt nên thuận với lý trời, tu theo pháp này nên phù hợp việc của con người v.v... Cả ba đều được cả, thì tai nạn trong nước làm gì còn có!

Lại nói: “Người dân trong thành không vì sự giới hạn của bờ cõi v.v...” tức là biết việc hộ trì đất nước không ở việc này mà có. Đây là sự hộ trì khiến cho thần dân thiên hạ không ai không thuận phục mà quy về. Nếu như có sự thuận lợi cho binh lính, núi non địa hình hiểm trở, bờ cõi mở rộng thì lại nói đó là do người chứng đắc đạo nhiều hỗ trợ, người mất đạo thì ít giúp sức v.v... Song, sự dạy dỗ người dân trong thành là hỗ trợ cho cái đức phục tòng, để họ bắt chước như đây, hưởng chi Bát-nhã là công đức lớn, sao có mặt mà chẳng giúp gì ư? Vậy còn nghi ngờ sao? Do đó mà luận, lý này dễ hiểu. Chẳng qua con người không dốc hẳn niềm tin mà thực hành theo đó thôi. Lại đôi khi không hiểu, con người có khi cho việc giảng là cứu cánh vậy.

Kinh nói rõ về diệu dụng của pháp không là một, mà rất nhiều. Như hộ quốc, hộ phước hộ nạn v.v... Vì thế hộ quốc ắt phải hộ nạn, hộ người dân; hộ phước cho nên cầu nguyện. Tuy nói đối tượng được hộ trì rất nhiều, nhưng thực ra không ngoài hai thứ. Tuy nhiên việc cầu nguyện cũng có cầu có trí tuệ, giải thoát, há không thể gọi là phước, chỉ vì đối với Bát-nhã nay nên trí tuệ thế gian cũng thuộc về phước vậy. Nói “Hạng cửu phẩm trong người” tức là đã nói cầu giàu sang chức vị, phải là hạng quan cửu phẩm vậy.

Lại nói: “Trải bày trăm tòa cao” mà Sở có giản lược giàu nghèo để giải thích. Vì thế nói: Nếu xét theo văn đây nên lấy việc giảng pháp làm chính. Tuy không chung với ý câu hỏi, nhưng cũng nên nói cho trọn vẹn. Nghĩa là nói: Giàu nghèo tùy theo sức của mình. Như vậy việc chính là giảng pháp cũng không trở ngại.

Từ câu “Xưa có vua” tiếp xuống là dẫn chứng có hai. Đầu tiên dẫn chứng các Trời chứng minh Hộ quốc. Văn nói về Đỉnh sinh một duyên có hai đoạn.

#### 1. Tướng lành lúc sinh ra.

## 2. Đọa ác có nguyên do.

Tức là từ câu “Dạ Xoa từ đất hiện ra” tiếp xuống Dưới đó lại có Đế Thích nương theo Kinh, thỉnh được gia hộ. “Như pháp của bảy Đức Phật đã xử dụng... Cho đến câu: “Đỉnh sinh tức thoái” nghĩa là nói bị thoái đọa. Nhưng vì mới sinh có tướng lành, nên Đỉnh sinh tin không phải là người tầm thường mà sau thọ báo như đây, nên biết phước báo có lúc hết vậy. Nếu không phải tự trong Bát-nhã mà đến, thì chẳng thể dựa vào cái gì. Rõ ràng vậy.

Câu “Lại, Đại vương” tiếp xuống là dẫn chứng vua Người vương hộ trì thân. Lại gồm hai phần. Một là trình bày những duyên khó khăn như văn. Chữ “Thiên La” là gọi vua cha của Ban Túc. Đầu tiên nói rõ xuất thân. Câu “Thường cúng dường một vị Tiên người” tức nói người tu hành nhẫn nhục. Câu “Vua tức lập nguyện” tiếp xuống nói người nguyện mà được thoát làm La sát vương. Câu “Sau các La sát nói” tiếp xuống là thiết lập hội. Câu “Lúc ấy, Tu đà vương” tiếp xuống là tóm kết hội thông xưa nay như văn. Từ câu “Vua Phổ Minh đó” tiếp xuống là chính nói thiết lập hội, hộ trì nạn. Văn có trường hàng, kệ tụng, như văn. Căn cứ vào Số nhận định phần kệ tụng, không ngoài bốn nghĩa Vô thường, khổ, không, vô ngã. Gốc là sự thuyết giảng của giáo pháp Tiểu thừa mà cho là Bát-nhã, tức là vì người nghe đắc Không bình đẳng Tam muội chứ không phải Bát-nhã, vả lại hướng gì một nhà phán định về lợi ích lại nói: “Chỉ xem các Kinh biết chưa được đạo”. Tức nhận thức được pháp Phật thuyết là có ý chung, riêng. Đã thông suốt chung riêng, nghiệm biết chẳng phải chấp vào một lối. Dựa theo nội dung Kinh trước nói: Ngày hai thời giảng Bát-nhã, và văn nay nói tám ngàn ức kiếp được gặp nên biết không giới hạn vào văn hay kệ để nhận định. Lại sách Phụ Hành nói: Diễn môn ấy hỗ trợ đạo. Tức gồm việc khuyến Pháp Phổ Minh cũng không chuyên là giáo Tiểu thừa. Vì lợi ích nghiệm thấy mà nói, nghĩa đó rõ ràng.

Xem các câu trong kệ này, thì ngôn từ, lý lẽ đều đạt đến mức khác thường. Nay bên ngoài phần Số giải, thuận theo đó mà giải thích:

Kệ thứ nhất nói: Thành, trụ, hoại, không mỗi đều hai mươi tiểu kiếp” đây là cuối kiếp sơ, đầu kiếp sau nên nói là chung ngật (cuối cùng hết). Càn là kiện. Khôn là thuận. Càn phối là Trời. Khôn phối là Đất. Vì thế gọi là Càn Khôn, thật ra là chỉ Trời đất. Cho là kiếp thiện nên mệnh mông không có gì cả. Chữ tổng (suốt) cũng như chữ Không. “Tu đi, cự hải” là nói biển núi trong thành đều lớn. Phạm thế giới sở dĩ có thành hoại là do nghiệp báo của chúng sinh nên vậy. Khi xảy ra tam tai,

phá hoại con người chắc chắn đã hết. Nay lại phước đức của Trời Rộng hết nên ở trong thế giới ấy điều tàn. Hai uy nghi còn mất, là nêu lên so sánh có thể biết.

Kệ thứ hai nói: Sinh lão bệnh tử là bốn tướng trạng của con người. Vì chúng lưu chuyển không ngừng, cũng như bánh xe quay vòng, không có biên hạn bờ mé. Chí nguyện của người vốn ở thường lạc mà bốn tướng chỉ là khổ. Nên nói: Trái lại với ước mong thì sầu thương làm hại. Họa chẳng gì lớn bằng năm đục, nên đục sâu thì họa nặng khổ báo xuất sinh từ trong đây, không phẩu bên ngoài đưa đến. Chỉ vì ba cõi luân hồi trong đó, nên rất ráo đều là khổ, câu “Nước làm sao có thể nươg nhờ” là có hai ý.

Kệ thứ ba: “Có vốn tự Không” là muôn điều có gốc xuất ra từ không thì cái thật của nó không có. Huống gì cái Không xuất ra từ cái không không ư. Chỉ là người trong, duyên ngoài hòa hợp mà sinh trong sáu nẻo này, nên thành như thế. Có thịnh ắt có suy, thật ắt có hư, là xu thế đối đãi hiển nhiên, sao có đủ mà không có hết ư? Nên chúng sinh các loài côn trùng trong ba cõi rõ ràng đồng một cảnh mộng, chưa từng có lúc nào an. Đó cũng như tiếng vang từ hang động nươg hư không mà ra, đầu tiên là không có thật; cõi nước cũng như thế.

Kệ thứ tư nói: “Người dùng thức thân làm chủ”. Nghĩa là Thần ngã mà không có hình tướng, dựa nhờ vào bốn đại hòa hợp để làm chốn nươg, Thức ở giữa chúng. Nói về bốn đại thì tánh của chúng là không điều hòa, tàn hại lẫn nhau, thêm Thức vào tánh lại khuấy động, làm sao được yên. Chỉ vì vô minh phiến não được bảo dưỡng nên không thấy khổ mà cho rằng vui. Hơn nữa, rong chơi ra vào trong bốn đại, không cho là mệt mà cho là việc phải đi, hình dựa vào trong hoặc ở đây, ka, đó là vô thượng làm chủ. Thức dựa nơi hình mà hoặc sinh hoặc tử? Chỉ là một nhà vô thường. Cho đến ở hình không cho là hình; Thần không cho là thần, hình, thần còn xa lìa, huống còn có được núi sông cõi nước, y báo, chánh báo sắc tâm ư? Đó tức là cái ngoài của sự vật bên ngoài là bốn thứ đã nêu ra vậy. Câu “Bấy giờ, Pháp sư” tiếp xuống là nói chúng nghe pháp lúc ấy được lợi ích. Chúng lúc ấy có bốn, mỗi chúng được lợi ích chẳng giống nhau. Nói chung không ngoài sáu thứ lợi ích, đối với quả vị như Sơ giải thích có thể biết; không giải thích riêng nữa.

#### Giải thích Phẩm Tấn Hoa

Sở dĩ tung rãi hoa là để báo ân, sở dĩ làm trang nghiêm thanh tịnh là vì cúng dường. Trên nói việc hộ trì cõi nước là giáo pháp rộng lớn nên ăn sâu nặng vì thế, tiếp theo là trình bày sự tung rãi hoa để cúng

dường. Tức là tri ân mà báo đáp.

Theo phong tục người Thiên Trúc dâng hoa là tiêu biểu cho sự tôn kính, chư Phật Bồ-tát, không hề muốn, chỉ vì sự trang nghiêm thanh tịnh là chính, nên việc tung rãi hoa để biểu đạt sự tôn kính Đức Phật thôi. Mà hoa là có người có quả, việc cúng dường thì chủ thể dâng cúng, đối tượng được nhận. Nay tung rãi hoa cúng, tiêu biểu do người gắn liền với quả. Sớ giải thích ba phẩm thuyết kệ có nhiều ít chẳng qua là triển khai ra, kết hợp lại cùng với Phật thuyết ở quá khứ và nay có khác. Nhưng các văn đa phần dựa vào nghĩa Tất đàn, dẫn dắt những tâm ý ưa thích của muôn loài. Nếu Luận chính xác, thật ra lời Thánh người nói, phạm phu chẳng thể hiểu được, nên Không thể chấp vào một định kiến để luận.

Lại nói việc tung rãi hoa có ba hành v.v... Hai trước thuộc người, một sau thuộc quả. Hoa vốn không có ba, tùy theo sự hiểu nông cạn biểu đạt ra. Mà hoa được tung rãi ra đó hoặc biến hóa làm tòa, đài, thành, lọng, là cũng nói theo thứ tự tăng dần. Ba thứ hoa vốn tiêu biểu sự tu hành trải qua từng bước trong riêng biệt, mà nói Bồ-tát Viên giáo được nói trong Biệt giáo, thì bàn luận cũng không phương hại gì, nhưng Biệt giáo nói là Viên giáo thì khó được. Cho rằng Bồ-tát Viên giáo nói trong Biệt giáo không gì không được, thì lại xem kỹ thử.

Trong phần đức Như Lai thuật lại xác nhận nói “Nơi Thần thông sinh” nghĩa là Bát-nhã chỉ một mà chỗ sinh chẳng đồng. Tức Bát-nhã là mẹ của chư Phật, là nơi Thật tướng sinh ra, thì Bát-nhã cũng là mẹ của Bồ-tát, là nơi quán chiếu Bát-nhã sinh ra, nên Bát-nhã vẫn tự tức là nơi Thần thông sinh ra, là giải thoát.

Trong phần đức Phật thị hiện thần lực, vẫn có đủ hai ý. Trước dùng tên gọi biểu thị đó là Thần biến. Tức ấy như gọi là Thần của âm dương chẳng lường được. Hai là dùng con người biểu thị, đó là thần lực của Đức Phật. Trong đây trước nêu bày chỉ rõ hạng mục v.v... Đó là năm. Sớ dĩ năm thứ hỗ tương hòa nhập vào nhau, vì mỗi mỗi đều là pháp giới. Nghĩa là tánh của ba để là dung thông, do đó không vướng ngại, không vướng ngại nên hòa nhập vào nhau. Đây cho nên gọi là Không thể nghĩ bàn. Nói “Chỉ đều là một niệm” là tức tâm là pháp, tức pháp là tâm, tâm pháp dung hòa cả hai, pháp chính do tâm biến, đây là lý duy nhất mà Phật Bồ-tát đã chứng đắc. Nên nói chân tánh giải thoát không thể nghĩ bàn, xứng tánh mà hiện không bị phân tán bên ngoài.

Văn nay cho rằng Thần tức lực, nên tin chắc rằng không phải là loại tác ý thần thông. Vì thế nói sự y chỉ của tất cả thân, của thân trong

mỗi một vi trần nếu phải Không Giả Trung trong tam thiên thế giới thì sao có thể thành diệu dụng tự tại này, tức là lý đó vậy. Bởi thế nói thì Không Trung là lý của sự hòa nhập vào nhau (tương nhập), diệu Giả là tướng của sự hòa hợp vào nhau. Không nhờ không, Trung thì không lấy gì để dung hòa làm một, không nhờ diệu Giả thì không cho rằng thấy được một nhập vào tất cả, tất cả nhập vào một như thế! Tuy nhiên cần phải khéo léo lãnh hội tốt, nếu không thì mê tình tức trái quấy.

Tiếp theo hỏi là đáp giải thích nghi: Nếu hiểu được ý trước thì nghi ngờ này không khó, dù không giải thích cũng được.

Đã giữ ý kiến người xưa, không được không hiển bày. Dùng ý này nên chia làm hai:

1. Nêu lên ý xưa, gồm có bốn cách nói v.v... nay trước tiên nhận định theo hai tính chất chấp nhận cùng với, và phủ nhận lấy đi. Chấp nhận thì mỗi thuyết đều có mặt thiên trọng của nó. Phủ nhận thì từng không nêu ra nguyên do như thế. Nay cho rằng một Không, tất cả Không đồng đẳng thì pháp pháp đều là Không Giả Trung, vì tức Không Giả Trung, thì thể của nó vốn hư hư nên diệu diệu tức dụng thông hòa nhập, mà lớn, nhỏ, một, nhiều chẳng vướng ngại nhau, cũng chẳng có gì không đều do lý tánh. Tuy nhiên, đây đặc biệt là hiểu biết thôi, nếu còn mê tình chưa phá thì do cái gì để một niệm tương ứng toàn phát khởi hiện bày ư! Nêu nói “Không” phá trừ kiến, Tư v.v... Đây là kiến giải của một nhà phán định giáo môn nói về người muốn tu tánh trí đoạn chứng nhập phải như đây. Khác với các Tông khác chỉ ngôn thuyết mà thôi. Chớ cho rằng bịa đặt!

2. Chúng lúc ấy thấy các tướng được lợi ích. Có thể biết.

Giải thích Phẩm Thọ trì.

Chư Phật vì pháp vô thường nên hiện vô lượng thần lực, Bồ-tát dùng Bát-nhã nên là sự y chỉ chỗ của mọi người. Nguyệt Quang đã thọ nhận, lại tỉnh được xem thần lực, Bồ-tát khai mở sự giác ngộ làm chỗ y chỉ cho đời sau, nên có Phẩm Thọ trì này.

Thị trì nghĩa là: Như văn nói v.v... Hai là trong phần tùy thuận giải thích, trong đó nói rõ ba Phật. Số làm, ba lớp vấn, đáp. Lớp một hỏi: Vì sao biết ba đức Phật được nhìn thấy là ba thân ư? Đáp dùng ba Kinh để nhận biết v.v... Lớp hai hỏi: Hai Đức Phật là gốc chẳng đồng ư? Văn không nói chữ “gốc” mà chỉ sự viên mãn tôn quý là chủ của Hóa thân. Chủ tức là gốc. Vì thế hỏi Xá Na là gốc và v.v... Lại như Số giải, Giới kinh nói về hai lớp Bản Tích. Nay chỗ đây nói rõ đức Thích Ca là Bản. Lời nói này tuy đồng với Số mà khác ở Kinh. Nên trong phần đáp nói Bản

Tích theo như Giới Kinh nêu là Bản trong Tích, không phải là Bản của nghĩa “Từ lâu”. Khác với Kinh này, căn cứ Thế, Dụng mà nói thì Pháp thân là Bản, Ứng, Hóa là Tích. Vì thế nói: Bản Tích tuy khác nhưng đều là một “Chẳng thể nghĩ bàn”. Lại lớp tiếp theo dùng ý trong phẩm Bảo Tháp để hỏi. Do trong phẩm này nêu ra Phật Thích Ca là Bản, phân thân là Tích (Dấu vết). Nên nói v.v... (đẳng). Nghĩa là đồng nhau tức thường thì chỉ Bản không khác, là khác thì bao gồm và một có khác v.v... Tuy chỉ ra có sự bất đồng, mà đều nói Bát-nhã Không Tuệ thì chỉ một.

Trong phần thỉnh nói “Khai pháp đạo” thì vẫn tiếp theo cũng nói “Khai Không Tuệ đạo” nên không ngoài Không Tuệ mà nói để khai mở giác ngộ cho chúng sinh, tức nghĩa đó không khác.

Trong phần đáp nói “Mười ba môn quán”, là lặp lại chỉ rõ công đức pháp môn của quả vị Nhẫn, để làm pháp môn mở giác ngộ cho chúng sinh. Sớ giải thích chữ “Khai Không” nói là: Văn chỉ sáng rõ, có thể nói là Khai thông.

Kết hợp với trước câu “Đại Mâu Ni” thì văn hơi sai.

Câu “Là Đại Pháp vương v.v...” là nói người đã khai sáng sự giác ngộ cho chúng ta tức là Pháp sư, là chủ của ta, nên nói Pháp vương. Hóa độ dẫn dắt chúng ta nên nói tri thức là chỗ Kiến lập của ta nương theo gìn giữ. Vì thế nên cúng dường Pháp sư như Phật. Trong đây không nói Tịch Nhẫn, ví nghĩa này đối với địa vị Phật mới có, nên không thể nói cho tự mình. Cũng là nêu Người có thể biết Quả không nói Đẳng giác, mà kết hợp ở mười Địa, nên chỉ là mười ba vị Nhẫn. Vị Tập chủng tánh thứ nhất, rõ ràng được giải thích như văn. Câu “Tập nhẫn lui về trước” tiếp xuống là Sớ nêu lên kán so sánh hơn, chung giải thích để trừ bỏ các vnanạn. Nay sợ chưa hết nghi nạn, nên giải thích thẳng ra đây mà có gia giảm. Nghĩa là vì vị dơ tâm nên là cạn. Ví như, tay nhẹ gió thổi không định.

Câu “Tuy trải qua mười ngàn kiếp”, có thể hiểu, nên đối chiếu văn tiếp theo đã giải thích có thể biết. Tức là các Bồ-tát tuy trải qua số kiếp tu hành như vậy, mà không cho rằng lâu; vẫn chưa đủ A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tuy đương vào vị Nhẫn mà không phải đã vào cũng luôn học pháp nhẫn mà không phải đã tu lâu đạo phục nên về tên gọi không là người quyết định. Lại nói về người quyết định tức định rõ về người và pháp, để hiển bày sự bất định. Văn lý tự vẫn tất. Nếu như trước, sửa lại một hai chữ, thì có thể biết.

Trong phần thứ hai nói về Tánh chủng tánh, nêu ra bốn Niệm xứ v.v... vốn là pháp Quán của Tiểu thừa. Nay hội chung căn cứ Biệt, Viên

mà tu. Sự tu hành tuy có cục bộ, mà lý quán luôn chung suốt v.v...

Sớ giải thích về tướng vô định nói giáo pháp của Như Lai không có tướng của trụ xứ nào cố định. Đây là lời nói thật chí lý. Cớ sao người nay lại làm thuyết cố định, há phù hợp lý ư?

Lại nói: “Không có tướng tự tha”, tức bao gồm tánh, tướng. Nghĩa là tánh của thể là Không, không có tự tha v.v... Về Tướng cũng là Không, không có tướng. Lại nói “Tu hộ trì quán Không”, thì người không thấu đạt ý sẽ rơi vào thiên lệch, tà vạy, nên cần phải hộ trì.

Trong phạm Đạo chủng tánh thứ ba nêu ra quán tất cả các pháp sanh diệt là quán tổng. Năm thọ ấm v.v... là quán biệt.

Câu “Mà thường hội nhập đệ nhất nghĩa tâm” là quán thành tựu ngộ nhập “. Tuy tâm tâm tịch diệt mà vẫn còn thọ sinh”, câu này Kinh tự giải thích v.v... Sớ thì giải thích do kiến, ái, vốn luân nhiễm nân vẫn còn thọ sinh hiện tại”. Đây thì khác với giải thích thông thường. Nay cho đó là vô minh tức chủ thể huân nhiễm, kiến ái là đối tượng được huân nhiễm, hoặc cho Kiến ái là chủ thể huân nhiễm còn Thức thuộc sự là đối tượng được huân nhiễm. Mỗi cách tùy theo Văn mà có sự chỉ ra khác nhau.

Trong phần thứ tư nói về Pháp sư hai thứ tướng trí, như Sớ nhận định giải thích v.v...

Câu “Về đệ Nhất nghĩa” tiếp xuống là kết luận xác nhận về ba Vô vi, giải thích nghĩa đó như có Luận riêng. Đây là danh tướng của giáo pháp Tiểu thừa, nhưng Kinh này nói đến, tức chịu lấy loại nghĩa giống, nên không phụ thuộc giới hạn của giáo văn nói còn lại như đây.

Nói “Không có tướng tự tha, Không có tướng không không”, nghĩa là Thật trí xa lìa tướng, thì trí Phương tiện hiện tiền. Đó gọi là Thật tướng phương tiện tức là phương tiện của Thật tướng. Vì vậy nói: Ở Đệ-nhất-nghĩa-để không có hiện ra, không có chịu khuất. Sáu loại phương tiện bao gồm hết các phương tiện, vẫn cùng với Thật trí tướng có sự ra, vào. Nghĩa là bất tức, bất ly, không trói, không mở, vì diệu mà không chola thêm vào. Như Kinh mỗi thứ đều là giải thích v.v...

Câu “Trí giác ngộ đầu tiên” tiếp xuống là giải thích lần nữa về sự đồng dị của hai trí. Đó ví như nước và sóng không là một, không là khác. Lấy đây mà ví dụ cho trí phương tiện và Thật. Ngoài ra đối với tất cả công hạn của khắp các bậc Học, cùng với Thật trí này cũng không là một, không là khác, cho nên không có nghiệp tập sinh tử nơi ba cõi, nên tự tại vô ngại, thậm chí sự biến hóa sinh nơi cõi Phật thanh tịnh cũng lại như thế. Nhưng nói: Nêu ra ví dụ hiển bày chỉ sai trái, nghĩa là



sợ lầm lẫn. Nên lại nói là hiển bày về tánh. Tức tánh đó không là một, không là khác.

Nói “Bốn kho báu lớn”. Số làm ba giải thích. Kinh Tịnh Danh cũng có nói đến bốn kho báu lớn, mà không có chấp thủ giữ lấy, bỏ đi. Nghĩa này đều chung.

Văn trong phần thứ năm pháp sư, không có giải thích khác, chỉ nói ra diệt trừ sâu trong ba cõi. lược nêu ra các Tông chấp ý kiến bất đồng, bao gồm dẫn Kinh Pháp Hoa là giáo lý đúng thực mà thôi.

Thứ sáu phiên dịch nói là “Cập biên” (biên hạn đến) tức nói sáu độ v.v.. đều có biên vực, giới hạn, cũng như “Đến bờ giác kia” nên nói vậy.

Thứ bảy nói là “Như Diễm” Số giải thích v.v... Hoặc dịch là Trí chướng tức là Trí và chướng ngại đạo ngược lại thì khác. Mà soi chiếu có chủ thể và đối tượng có đối tượng gọi là chướng, không có đối tượng là Trí. Nay chiếu mà không có đối tượng để đắc, không là Trí sao! Nay phiên dịch chữ Trí là mẹ là gốc (Mẫu, Bản) không là cách dịch đúng, chẳng qua tiện theo nghĩa nói.

Nói “Tu đà hoàn”’: Số cho rằng mượn Tiểu thừa đặt tên cho Đại Thừa. Sở dĩ mượn quả Tiểu thừa kiến, lưu mà nói là để gọi cho quả vị của Đại Thừa đoạn kiến như mười ba pháp quán đều là công hạnh Đại Thừa. Nếu không căn cứ dựa nhờ vào quả vị, sao lại dùng đặt tên ư. Lại nói cũng là ý riêng hòa nhập vào dung. Tức dùng vị đoạn kiến của Biệt giáo nối tiếp hàng Kiến địa của Thông giáo, tức là sự tiếp nối của vị tiếp theo.

Năm tướng là: Không ngoài các Luận hội điển (không phải Luận ngoại đạo) nói năm loại tướng. Mà nói: “Ta là bậc Nhất-thiết-trí, không phải đoạn cội rễ nghi ngờ nơi ba cõi, về tướng ta đã chấm dứt” tức là Kiến chấp của ngoại đạo. Lại nói biết khắp mọi nơi đều có đạo xuất ly, có chỗ nào không là cửa giải thoát. Biết khắp nơi có chỗ nào không là đạo xuất ly, thì làm sao thích hợp mà không phải chướng ngại ý chỉ gốc của đạo ư? Sự thông suốt, bế tắc là do con người trước tiên, không ở nơi pháp.

Tất cả phiên nào là người được tích tập v.v... Căn cứ luận theo Nghiệp cũng thuộc về người. Nay đối với quả khổ, theo riêng mà nói. Cho nên chỉ rõ phiên nào là người tập, tập là tập nghiệp. v.v...

Trong phần giác, nói quán tâm tâm tịch diệt mà Không có tướng tướng, là căn cứ theo Số kết hợp với dụng của tịch diệt là tướng tức. Nghĩa là tướng gốc do tâm, tâm do tướng khởi, tâm đã tịch diệt, tướng

do đầu sinh. Huống là tâm tâm tướng tướng là vậy. Vì theo dụng tướng tức nên không có tướng tướng. Vì thế dụng tâm theo ở mọi phương, không chỗ nào mà không hiện hữu, thân nhiên ở nơi vô trụ, mà không chỗ nào không vắng lặng. Vì thế nói: Hiện tại có mà tu Không, ở nơi Không mà thường giáo hóa. Do đó, cùng chiếu nơi Có, Không mà dụng của tịch diệt vô ngại.

Câu: “Diệt tâm tâm tướng đẳng”: Số thêm một chữ “Số”. Nếu làm giải thích câu “Diệt tâm diệt tướng” thì nghĩa không gì không được.

Câu “Pháp nhãn thấy tất cả”: Số giải thích chung riêng về ba loại mắt. (Tam nhãn). Kinh viết “Tam muội” là lầm. Cũng có thể nói “Pháp nhãn thấy tất cả pháp, nơi Bồ-tát là giả”. Câu “Ba mắt thấy sắc không là hai mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn thấy sắc, và một Tuệ nhãn thấy Không. Cho nên nói: “Sắc, Không thấy”. Đây là văn đặc biệt đảo ngược câu thôi.

Mà không nói Phật nhãn, nghĩa là Người hộ trì ở Quả. Kinh vốn không nói thấy giả, cũng là được nghĩa suy ra. Nếu cảnh là một, thấy có ba thì tự nhiên là một ý nói v.v... Số lại người nơi Nhân nói về Đế làm giải thích về năm đế, ba đế v.v... Tức căn cứ vào nghĩa của giáo vậy; đầy đủ như trong Pháp Hoa Huyền nghĩa. Lại dùng hỏi đáp nói rõ về Phật nhãn có hay không, thì văn Số này cho là kết hợp nói chỉ ở Người. Nay từ sự thông hợp, trình bày hai ý là phần hạn và tột cùng, thì chẳng trở ngại giữ lại cả hai thuyết.

Từ câu “Lại nữa, quán Phật và Bồ-tát” tiếp xuống: Nói về Tịch diệt nhãn. Nếu nói về Tịch nhãn, thì tương đương quả vị tột cùng. Mà nói quán Phật, tức Tịch nhãn có ba thứ. Nói theo riêng mỗi thứ, thì tương đương Thập địa, nếu triển khai rộng tức vị Đẳng giác, Diệu giác: Nói quán Phật đây cũng như phẩm hạ so với Viên giáo cũng còn vô minh còn sót lại. Theo lý thì cần phải quán Phật để tăng trưởng đạo, hội nhập quả vị.

Câu “Từ Tập nhãn cho đến Đỉnh Tam muội” tiếp xuống: Căn cứ Số nhận định giải thích, gồm có năm thứ sai biệt nông sâu.

1. Phục, đoạn.
2. Tín, Kiến.
3. Đốn, Tiệm.
4. Thường, bất thường.
5. Đẳng, vô đẳng.

Nay thuận theo giải thích, không thể không có chút khác nhau. Trong Kinh hai chữ “Dĩ năng” (vì có thể) e lầm. Nên làm chữ “Dĩ”

thành chữ “Vị” (chưa).

- Nói về Phục đoạn: Là từ Nhẫn đến Đỉnh đầu gọi là Phục, tức hàng phục trước rồi sau mới đoạn trừ. Đó gọi là hai thứ đứng đầu ở trong các Phục.

- Tín, Kiến: Nghĩa là tuy tin có thể đoạn hoặc, và sinh trí tuệ nhưng không phải chứng đắc trí tuệ, nên không gọi là “Kiến” mới được trí tuệ ấy. Vì thế, dùng tri (biết) cái sở tri, so sánh với cái nó bất tri. Cho nên nói v.v...

- Đốn, Tiệm: Nghĩa là chỉ có Phật liễu ngộ ngay, thì không gọi là Tín. Nói tin là do tiến chậm.

- Thường và bất thường: Nghĩa là hàng phục từ từ thứ trí tuệ có lúc khởi lên, diệt mất, hiện tượng đó gọi là bất thường. Nếu tâm sanh diệt đã diệt, hệ lụy không còn, nên không có sinh không có diệt, hiện tượng này là Thường.

- Đẳng, vô đẳng: Vì là thường nên Chủ thể, đối tượng đồng đẳng; chưa thường tức là không đồng đẳng- vô đẳng. Chữ đẳng trong từ “Vô đẳng” là nghĩa không có bậc bằng nhau.

Từ câu “Thí như” tiếp xuống là dẫn thí dụ. Lên cao nhìn xuống vạn vật, vật ở dưới thấp, nên không gì không chiếu tỏ. Về nghĩa nói cũng như vậy, nghĩa là tuy Phật lên ngôi vị Bà-già-độ, tột cùng ở tánh đức cũng phải nhà tu tập mới thành tựu. Cho nên nói: Thọ nhận sự tu tập. Sở dĩ trong phần khuyến khích thọ trì, không nhấn nhủ trao về bốn chúng mà chỉ ở các Quốc vương, vì thế lực vua lớn. Lại nói: Phạm cúng dường sâu rộng với trăm sự lớn lao, tự mình không phải thế lực của vua, thì ai có thể làm xong? Đây đặc biệt nói đến hai nghĩa. Nếu lại nói đây đủ phải có nhiều nghĩa nói về sự lớn lao ấy.

Lại như trong Kinh Niết-bàn, Phật trao giữ giáo pháp cho các Quốc vương, đại thần cũng là nghĩa đó, mà trong phẩm An lạc Hạnh (Kinh Pháp Hoa) lại khuyên răn chớ nên thân cận hạng người ấy. Tuy nhiên đều có nghĩa để nói. Tức đây vì việc hộ trì pháp. Kinh kia vì sự trở ngại hạnh tu, cho nên vậy.

Bảy việc có thể gây khó khăn: Dựa phần văn Kinh phía dưới, thì đã sót đi một chữ “Úy” (sợ). Do sợ khó cho nên phải giữ giữa vậy”.

Trong phần nói “khuyến khích thọ trì, tán thán danh hiệu”: Sở phối hợp với ba loại Bát-nhã để giải thích; như văn v.v...

Câu “Tất cả tâm thức của chúng sinh” tiếp xuống: Đây nên thứ tự phân biệt năm thứ làm gốc. Nghĩa là người lấy thức làm gốc. Thức lấy tâm làm gốc, Tâm lấy thân làm gốc, Thân lấy Bát-nhã làm gốc, Bát-

nhã lấy Pháp thân làm gốc.

Lại nói: “Cha mẹ của tất cả Quốc vương”. Đây cũng thứ tự phân biệt năm loại chủ thể sinh. Nghĩa là Lý- chủ thể sinh giải (hiếu). Giải là chủ thể sinh Trí. Trí là chủ thể lập đức. Đức là chủ thể thành Thánh. Vì vậy là cha mẹ của vua.

Câu “Cũng gọi là Thần phù” tiếp xuống là gồm sáu tên gọi. Tức văn tự Bát-nhã, còn ba đức tức giải thoát. Chỉ có văn tự tức là giải thoát nên chỗ gọi là thần đức diệu dụng có mặt ở Kinh này. Vì vậy, từ công năng mà nói cũng gọi là thần phù, tức như bùa, ấn của thần cao cả. Được ấn này nên có khả năng xua đuổi các ác, đón nhận mọi thiện, không thích ứng nào mà không lợi ích. Còn gọi là Tịch quỹ châu là hạt ngọc xua đuổi quỷ tà ác khiến không thể làm tai họa, nhiễu loạn. Hoặc gọi là Như ý châu, là hạt châu đạt được mọi ý nguyện vốn do tinh khí của Kim sí điều vương tạo thành, có thể làm mưa xuống tràn đầy của báu không bao giờ hết. Còn gọi là Hộ quốc châu cũng như hạt ngọc của Kinh Thốn, trước sau đều chiếu tỏ mười hai thặng; có hạt ngọc này, các nước không thể xâm lăng, tổn hại. (Xem trong phần sau ở sách Xuân Thu nói). Cũng gọi là Thiên địa kính. Tức tâm gương soi của trời đất là nói trí tuệ có thể soi chiếu muôn vật, như dùng trời đất làm tấm gương soi vạn vật chỗ nào mà không chiếu tỏ. Cũng như nói tâm của Thánh người tĩnh lặng ở trời đất, là tấm gương của sự soi chiếu vạn vật.

Long thần bảo vương. Câu này làm hai giải thích.

1. Là chỉ Phật hiếu thần của việc hộ pháp có đức hộ trì.

2. Phải là vua của thần, báu của Rồng cho rằng được lực của thần, báu của Rồng thì có khả năng hộ trì Phật thừa và cõi nước.

Nay chọn lấy hai chữ cùng với việc Luân vương xuất hiện ở đời, báu thần tự nhiên có đủ, để kết hợp nói, dùng làm đề mục để thuật ký, thì nghĩa về là đối tượng được giải thích, không phải tự khoe khoang vậy.

Trong phần chỉ rõ pháp cúng dường nói nên làm cờ chín màu v.v... đó là chọn số chín, năm (cửu ngũ) tức theo sách ngoại điển chọn âm dương phối hợp mà thành số, không phải là ý trong đây. Nay chính là nói vật để trang nghiêm, mà biểu thị cho chín nẻo, chín khổ mà nói, cũng là ý tức vọng hiển chân. Số khác như Số mỗi mỗi tiêu biểu để giải thích, có thể biết.

Ngàn ngọn đèn tiêu biểu mười thiện thập thiện, cũng như phần thuật ký trước v.v... Nói “rương ngọc, khăn ngọc”: Chữ khăn cũng như nghĩa các tráp nhỏ, đều là vật để an trí pháp bảo Bát-nhã. Hoặc vua khi

đi: Chính là nói vua khi đi đứng đều nên tôn kính pháp Bát-nhã. Như Kinh nói v.v... Nay thì gọi là đội lên đầu, nghi lễ này có thể xem trong “Tăng Sử lược”, Mà người đời sau không biết cách đó, đáng tiếc cho người không hiểu lại giải thích như là nguyên do của sự chuyên cần. Như Kinh nói v.v... Than ôi! Khiến cho không tin lời nói ấy thì thôi, giả sử tin được, đáng hâm mộ mà không làm, càng đáng sợ. Lại nài: “Ta sẽ sai năm Bồ-tát đại lực”, nghĩa là Kim Cương Hống v.v... và năm ngàn thần vương đại lực, đến hộ trì cho nước kia. Nếu tin đúng như Kinh thuyết, thì thần lực kia ngấm gia hộ, hiển bày cái tướng trạng che chở, mà hoạn nạn tự nhiên sẽ tiêu tan. Há là bịa đặt ư?

Câu “Quán bốn đại, bốn sắc” tiếp xuống là nói rõ tướng tu đạo. Như Sớ nói v.v... Nói “Sở duyên giác quảng” là nói chỗ đối tượng duyên, đối tượng được giác ngộ thì rộng lớn. “Hoa của đối tượng được tung rải tuy không thể không có hơn kém mà có nhiều tên khác” nghĩa là căn cứ vào đối tượng được biểu lộ mà nói vậy.

“Không định gọi là tâm học” là cái vi diệu của tâm học có thể chứng đắc. Nhưng nói biệt truyền thì lại thái quá.

#### Giải thích phẩm chúc lữ.

Phần Chánh Tông, hai thứ hộ trì, việc lớn nói xong. Phật ra đời giáo hóa, đạo pháp cũng như đủ khắp, sẽ dùng đạo pháp mà lưu truyền rộng rãi đến đời sau. Nhưng Tam bảo cùng suy giảm, chánh pháp khó hành trì, nếu không giao phó trách nhiệm hộ pháp cho đệ tử bốn bộ đại thần Quốc vương thì pháp Bát-nhã vô thượng do đâu hoàng dương, làm lợi ích cho muôn loại. Vì thế theo phẩm trên, là chúc lữ vậy.

Nói Chúc lữ, sớ gồm ba giải thích, như văn nói v.v... Tiếp đến chọn lựa không phó chúc cho hàng đệ tử Phật, chỉ phó chúc cho Quốc vương là sao? Phần đáp cũng có ba nghĩa. Tức là muốn trừ bỏ nạn tai cho đất nước, nên phải vua đích thân làm, sắp đặt việc lớn nên phải vua mới hoàn thành, công do tin ở pháp nên vua thực hành. Văn cần có sự trợ giúp của quan thần kết hợp, nên bao gồm phó chúc cho cả đại thần. Văn lược không nói đến quan.

Văn đầu tiên nói việc phó chúc đến thời, nghĩa là tám mươi năm mới gọi là đến thời. Dựa theo Sớ giải thích v.v.. Chưa rõ ý nói, nhưng cũng khả nghi, đây không luận đến. Tạm chọn lấy thứ thí tự tất. Phân tích những lời như vậy là ý nghĩa gì? Nghĩa là khởi đầu của tám trăm năm chánh pháp đầu tiên, trên qua thời gian như vậy, thì Như Lai tuyên bố diệt độ, nên không có Phật. Sau tám ngàn năm, đến khoảng cuối của chánh pháp, thì tà pháp tăng mạnh, tà lấn át chánh nên không có pháp.

Sau tám mươi năm đến khoảng cuối của thời mạt pháp, hình dáng như Tỳ kheo cũng không có, nên không có Tăng. Lúc ấy Phật, Pháp, Tăng bảo diệt hết không còn, vì thế đức Như Lai ân cần, ra sức nói lời phó chúc cho các Quốc vương, khuyên răn bốn bộ chúng hoàng dương, hộ trì Tam bảo đừng để đoạn tuyệt, cũng là khiến cho chúng sinh mở mang đạo Không Tuệ, tức là hạnh của Thánh Hiền. Nói hành trì mười hạnh thiện v.v... là Người, Thiên Thừa tức đều là giáo lý của ba tạng. Vốn là Kinh Niết-bàn nói phù trợ luật nghi, bàn luận lý Thường khiến cho pháp thân tuệ mạng của Như Lai được trụ ở đời. Tức là ý đó.

Câu “Đời năm trước sau này” tiếp xuống, là đức Như Lai đối với vua Nguyệt Quang, rộng nêu bảy điều răn cấm.

1. Diệt pháp.
2. Hủy hoại hạnh của bốn chúng.
3. Cấm không cho nương theo pháp.
4. Tự mình chê bai.
5. Sai khiến người hủy hoại.
6. Tự tạo lỗi.
7. Tin sai lầm.

Như văn Sớ nói v.v... Lược nói mối liên hệ thứ tự. Nghĩa là do diệt pháp nên hủy hoại hạnh của bốn chúng. Đã không có pháp được nương theo thì tức là phi pháp pháp. Phi pháp do ở tự mình chê bai chánh. Ví như không thể gượng dậy, lại theo đó sai người theo mệnh lệnh của mình. Mờ mịt như vậy thì hai chúng trong, ngoài do đó khó tránh khỏi cùng nhau làm lỗi, thậm chí các đệ tử bên trong (chúng xuất gia) vì cầu danh lợi nên ở nước vua quan, lộng ngôn tuyên pháp, áp đặt thị phi không chút phân biệt, người nghe lầm, rồi lầm làm theo chẳng ít. Mượn người làm cho đời vẫn đục, mạt pháp trở nên như thế, mà cảnh tượng điều tàn tệ hại ấy thật do con người làm ra, cuối cùng sẽ đổ lỗi về ai?

Than ôi! Nghe bảy điều răn ấy, mà chẳng chạnh lòng thay!

Còn lại như Sớ giải thích v.v...

